| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2020/HNGD-ST
Ngày 26 tháng 6 năm 2020
Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châm Thị Vân Khánh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1.Ông Nguyễn Văn Hưng

2. Bà Dương Thị Nam

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Minh Hải- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Bích Thảo – Chức vụ Kiểm sát viên (Vắng mặt có lý do)

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Tạ Thị L, sinh năm 1979

Địa chỉ: xóm Ng, xã Ng, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

***Bị đơn:*** Anh Tạ Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: xóm Ng, xã Ng, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị L có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tạ Thị L trình bày*:*

Chị và anh Tạ Văn T kết hôn ngày 06/11/1998 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Anh chị kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn về sống chung cùng gia đình nhà chồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T có quan hệ ngoại tình, sống

không quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con, chơi bời. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Tạ Văn H, sinh ngày 01/10/1999, Tạ Huyền Tr, sinh ngày 25/6/2011. Hiện nay cháu H đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Tạ Văn T trong biên bản lấy lời khai trình bày: anh thừa nhận về thời gian kết hôn, tuy nhiên anh xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Khoảng tháng 10/2019 thì chị L tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh cũng không biết lý do vì sao. Anh cũng không đón chị về, không ai quan tâm đến ai, theo anh, chị L tự bỏ đi thì tự về. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vẫn mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng nếu chị L kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung**:** Trong quá trình chung sống có 02 con chung như chị L trình bày là đúng. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, còn cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ**:** Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, sau khi có lời khai của anh T, Tòa án đã tống đạt thông báo, quyết định của Tòa án nhưng anh T cố tình không hợp tác đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định. Chị L có đơn không yêu cầu hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên.

Trong bài phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70,71 của BLTTDS. Về phía bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ

của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị L và cho chị L được ly hôn anh Tạ Văn T.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Tạ Huyền Tr, sinh ngày 26/5/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

- Chị L phải chịu phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng**:** Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung. Bị đơn anh Tạ Văn T có địa chỉ tại: Xóm Ngọc Hạ, xã Nga My, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.Tại phiên tòa vắng mặt đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình nhưng đã gửi bài phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Tạ Văn T và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình.

[2] Về nội dung: Chị Tạ Thị L và anh Tạ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/11/1998 tại UBND xã Ng, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Tạ Thị L và anh Tạ Văn T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Lý do chị L xin ly hôn anh T, theo chị L là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T sống không có tình thương và trách nhiệm với vợ con. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Phía anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị L tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở không rõ lý do từ tháng 10/2019 và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, chị L và anh T không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau trong cuộc sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Anh T mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng không có biện pháp cụ thể nào để vợ chồng quay về đoàn tụ. Như vậy mục đích hôn nhân giữa chị L và anh T không đạt được, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn

của chị Tạ Thị L, cho chị Tạ Thị L được ly hôn anh Tạ Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Tạ Văn H, sinh ngày 01/10/1999, Tạ Huyền Tr, sinh ngày 25/6/2011. Cháu Hảo đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị L và anh T đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Tr và không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Tr đang sinh sống ổn định cùng chị L, cháu Tr hiện còn nhỏ và lại là con gái, đồng thời tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Tr, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, chị L là giáo viên có thu nhập ổn định. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển toàn diện của cháu, nên giao cho chị Tạ Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Tạ Huyền Tr cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác là phù hợp. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Hai bên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tạ Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 232, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tạ Thị L đối với anh Tạ Văn T, cho chị Tạ Thị L được ly hôn với anh Tạ Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Tạ Huyền Tr, sinh ngày 25/6/2011 cho Chị Tạ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tạ Thị L không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Tạ Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

3.Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tạ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001056 ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị L báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã Nga My;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Châm Thị Vân Khánh**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châm Thị Vân Khánh**